

Số: /BC-UBND

Tân Hưng, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
Công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2026 xã Tân Hưng

Căn cứ Công văn số 447/SNV-CCHC&VTLT ngày 14/01/2026 của Sở Nội vụ tỉnh (nay là thành phố) về việc triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2026 của UBND xã về việc cải cách hành chính xã Tân Hưng năm 2026.

UBND xã báo cáo kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2026, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính

1. Về Kế hoạch cải cách hành chính, tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

- Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2026 của UBND xã về việc cải cách hành chính xã Tân Hưng năm 2026.

- Công văn số 16/PVHXH ngày 20/01/2026 của Phòng VHXH về việc triển khai đăng ký sáng kiến trong công tác Cải cách hành chính.

- Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 02/02/2026 của UBND xã về việc kiểm tra Cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính xã Tân Hưng năm 2026.

- Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 05/02/2026 của UBND xã về việc Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026 trên địa bàn xã Tân Hưng.

- Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 06/02/2026 của UBND xã về việc Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính ngành Tư pháp năm 2026.

- Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Hưng năm 2026.

- Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026.

- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 21/02/2026 của UBND xã về thông tin, tuyên truyền kiểm soát thủ tục hành chính; cơ chế một cửa, một cửa liên thông xã Tân Hưng năm 2026.

- Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 25/02/2026 của UBND xã về kiểm soát thủ tục hành chính ngành Tư pháp năm 2026.

- Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 08/4/2026 của UBND xã về việc tuyên truyền, phổ biến thực hiện Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 11/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố) về đột phá “Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả” trên địa bàn xã Tân Hưng

- Kế hoạch 97/KH-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã về việc Cải cách hành chính trọng tâm giai đoạn 2026 – 2030.

- Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 23/4/2026 của UBND xã về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 18-KH/ĐU ngày 03/02/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là thành phố) về việc triển khai thực hiện Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh (nay là thành phố) thực hiện Nghị Quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh (nay là thành phố) Đồng Nai lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030 về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp.

2. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND xã đã ban hành Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 25/5/2026 về kết quả thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính. Với kết quả như sau: đẩy mạnh truyền thông đa kênh (Đài truyền thanh, Fanpage, Zalo, Youtube, cùng 14 bài viết và video hướng dẫn trên trang thông tin điện tử); đến việc hiện đại hóa cơ sở vật chất tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công với máy kiosk và 02 tivi 75 inches. Đặc biệt, thông qua việc ứng dụng công nghệ mã QR và linh hoạt bố trí máy tính cùng lực lượng hỗ trợ Đoàn thanh niên và 04 người hoạt động không chuyên trách để trực tiếp hướng dẫn người dân thao tác trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

II. Kết quả thực hiện

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Thực hiện nghiêm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2026/QH15; Luật sửa đổi bổ sung của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2026/QH15; Nghị định số 78/2026/NĐ-CP ngày 01/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về quy định một số điều, biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 10/02/2026 của UBND xã về thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tân Hưng năm 2026; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 06/02/2026 về việc theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2026 trên địa bàn xã Tân Hưng;

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 13/02/2026 về việc tổ chức thi hành pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Tân Hưng.

1.3. Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- UBND xã ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 29/01/2026 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026; Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 21/4/2026 về triển khai thực hiện Đề án “Phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Tân Hưng, giai đoạn 2026 - 2035”.

- UBND xã đã chú trọng và triển khai đồng bộ nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn. Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua các cuộc họp khu dân cư, sinh hoạt đoàn thể, đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã, cũng như trên hệ thống loa, đài truyền thanh. Nhờ đó, các văn bản pháp luật mới, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được phổ biến kịp thời, rộng rãi, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

- Với những kết quả đạt được, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại xã ngày càng đi vào chiều sâu, được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động, qua đó góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền hành chính cơ sở dân chủ, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

- UBND xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thường xuyên quan tâm triển khai công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn quản lý ở địa phương. Trong quý, UBND xã đã tiến hành rà soát các văn bản do HĐND, UBND xã ban hành, kịp thời phát hiện những nội dung còn chồng chéo, không còn phù hợp hoặc hết hiệu lực để báo cáo, tham mưu điều chỉnh, thay thế.

- Công tác kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã được duy trì nghiêm túc, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hạn chế tình trạng ban hành văn bản sai thẩm quyền hoặc trái quy định, qua đó bảo đảm tính minh bạch, công khai trong hoạt động hành chính.

2. Cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

2.1. Công tác triển khai thực hiện các văn bản kiểm soát TTHC

- UBND xã Tân Hưng luôn quan tâm, chú trọng triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Ngày 10/02/2026, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 42/KH-UBND về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026, làm cơ sở định hướng, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát TTHC trên địa bàn xã.

- Trên cơ sở kế hoạch đã ban hành, UBND xã kiện toàn cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính xã Tân Hưng theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 03/3/2026, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, công chức chuyên môn; đồng thời tổ chức thực hiện đồng bộ các hoạt động kiểm soát TTHC, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định. Các thủ tục hành chính được rà soát, cập nhật, công khai đầy đủ tại trụ sở UBND xã, trên Cổng thông tin điện tử của xã, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận, tra cứu và thực hiện.

2.2. Công bố, công khai, niêm yết TTHC; rà soát đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC

- Công khai địa chỉ tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị và hướng dẫn tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ. Từ ngày 01/1/2026 đến nay, đã tiếp nhận: 03 phản ánh, kiến nghị của người dân trong giải quyết thủ tục hành chính qua tổng đài 1022 (02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giải quyết của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Hớn Quản, 01 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giải quyết của Phòng Kinh tế xã).

- Kết quả tham mưu công bố: 434 thủ tục cấp xã.
- Công khai TTHC: 434 thủ tục.
- Danh mục TTHC: 434 thủ tục.
- Kết quả công khai, niêm yết TTHC: 434 thủ tục.
- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công từ ngày 01/01/2026 đến 01/6/2026
 - + Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (tất cả các hình thức): 1,919 hồ sơ¹, trong đó:
 - * Số hồ sơ trực tuyến: 1,877 hồ sơ, đạt tỷ lệ: 97,81%.
 - * Số hồ sơ trực tiếp: 0 hồ sơ, đạt tỷ lệ: 0%.
 - + DVC trực tuyến một phần: 0 hồ sơ, đạt tỷ lệ 0%
 - + Số lượng TTHC giải quyết toàn trình tại TTPVHCC: 1,919 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Tình hình tổ chức và hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính
- + *Cơ sở vật chất, trang thiết bị:*

Thực hiện Nghị định số 118/2026/NĐ-CP ngày 09/6/2026 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia, khuôn viên trung tâm phục vụ hành

¹ 1,877 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trong kỳ, 42 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua

chính công xã đã được tu sửa khang trang, trang bị đầy đủ ghế ngồi chờ cho người dân đến thực hiện các thủ tục hành chính, trang bị đầy các thiết bị cho cán bộ, công chức, người lao động tại trung tâm làm việc: Trang bị 07 bộ máy tính, 08 máy scan, 01 máy photocopy, 01 máy kiosk lấy số thứ tự, 02 màn hình tivi 75 inches.

+ *Hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng:*

Về hạ tầng hệ thống công nghệ và thông tin: Đã trang bị đường truyền internet phục vụ cho cán bộ công chức và người dân tới liên hệ công việc; Đường truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cho Hội nghị truyền hình trực tuyến; Đường truyền phục vụ cho cơ sở dữ liệu đất đai. Hệ thống LAN phục vụ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và trụ sở UBND xã đã được trang bị (đang triển khai nâng cấp lại cho phù hợp với yêu cầu thực tế của chính quyền địa phương 02 cấp). Máy tính cho CBCC có trang bị cơ bản phục vụ công việc (gồm: máy tính, máy in, máy scan, máy photocopy).

Về hệ thống phần mềm: Phần mềm QLVB Đồng Nai-S của VNPT; Phần mềm quản lý hộ tịch; Phần mềm chứng thực điện tử của Bộ Tư pháp; Phần mềm một cửa điện tử (motcua.dongnai.gov.vn); Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucongquocgia.gov.vn); Chống mã độc Cyradar (ĐNI- EDR Cyradar); Phần mềm QLVB Văn phòng của Đảng ủy; Phần mềm báo cáo theo Nghị quyết số 57 của Đảng.

Về trang bị, sử dụng chữ ký số, chứng thư số: đến nay HĐND, UBND, các phòng chuyên môn đã đăng ký cấp chữ ký số phục vụ việc giải quyết hồ sơ trên điều hành tác nghiệp.

+ *Nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức và người lao động:*

Trung tâm Phục vụ hành chính công hiện có 01 Giám đốc do Phó Chủ tịch UBND xã kiêm nhiệm, 01 Phó Giám đốc chuyên trách; 4 công chức; Bên cạnh đó có 01 viên chức từ Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố; 01 nhân viên từ BHXH khu vực; 02 nhân viên từ VNPT hỗ trợ. Ngoài ra, để công tác hướng dẫn hướng đến sự hài lòng của người dân, Trung tâm bố trí 04 người hoạt động không chuyên trách và lực lượng Đoàn viên thanh niên xã để tiếp đón người dân, hỗ trợ người dân đối với thành phần và quy trình nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công Quốc gia, đồng thời bố trí máy tính phục vụ công tác nộp hồ sơ trực tuyến.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC từ ngày 01/01/2026 đến ngày 01/6/2026.

+ Số lượng hồ sơ đã số hóa 1,830 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

+ Số lượng hồ sơ có tái sử dụng dữ liệu: 1,810 hồ sơ đạt tỷ lệ 98,90%

+ Số lượng hồ sơ có cấp kết quả điện tử: 1,810 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

2.4. Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

- Cấp ủy và chính quyền địa phương luôn xác định công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân, góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Trên cơ sở đó UBND xã căn cứ Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tập trung triển khai thực hiện tốt công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật.

- Kết quả tiếp nhận giải quyết phản ánh, kiến nghị của thành phố qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia:

+ Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định và hành vi hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trong kỳ báo cáo): Tổng số PAKN đã tiếp nhận: 0 kiến nghị (trong đó: kỳ trước chuyển sang là 0; tiếp nhận mới là 0), số PAKN đã xử lý đúng hạn: 0; số PAKN đã xử lý quá hạn: 0; số PAKN đang xử lý: 0. Kết quả công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ: tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh kiến nghị đạt 100%; tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt trên 95%.

+ Tiếp tục theo dõi hệ thống phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để kịp thời tham mưu văn bản, đề xuất, kiến nghị UBND xã chỉ đạo xử lý các đơn vị liên quan xử lý PAKN của người dân, doanh nghiệp; đồng thời, thực hiện việc cập nhật, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đảm bảo thời gian quy định.

- Kết quả tiếp nhận giải quyết phản ánh kiến nghị của thành phố qua Tổng đài Dịch vụ công 1022: tiếp nhận 03 lượt phản ánh, kiến nghị và đã xử lý trả lời trước hạn 03 lượt, đạt trên 100 %.

2.5. Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC

- Thời gian đầu vận hành còn gặp nhiều khó khăn do thiếu các trang thiết bị, hệ thống bị lỗi. Tuy nhiên, nhờ sự cố gắng, nhiệt tình của tất cả các công chức tại bộ phận phục vụ hành chính công nên tất cả hồ sơ đều được giải quyết tốt.

- Thực hiện đầy đủ công tác niêm yết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND xã. Phân công công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc niêm yết các thủ tục hành chính, đảm bảo chất lượng công khai, đầy đủ, rõ ràng, dễ khai thác, dễ sử dụng các thủ tục hành chính, nhằm tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

3.1. Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức bộ máy, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

Căn cứ Nghị Quyết số 1662/NQ-UBTVQH 15, xã Tân Hưng được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 xã Tân Hưng, An Khương, Thanh An, chính thức đi vào hoạt động từ 01/7/2025, UBND xã Tân Hưng đã thông qua Nghị quyết thành lập các phòng ban chuyên môn thuộc UBND xã và Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc UBND xã.

3.2. Kết quả quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức. Số lượng cấp phó của các tổ chức bên trong của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh (nay là thành phố), theo đó ngày 25/8/2026, UBND xã Tân Hưng ban hành Quyết định số 232/QĐ-UBND về việc tạm giao quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức xã Tân Hưng đảm bảo không vượt so với số biên chế được UBND thành phố giao, cụ thể: biên chế công chức 50 người, 15 biên chế viên chức, 05 hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP. Hiện tại đã bố trí 35 cán bộ, công chức, 06 biên chế viên chức làm việc tại các phòng ban chuyên môn, trung tâm thuộc xã.

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý

Tiếp tục triển khai thực hiện Công văn số 579/SNV-VP ngày 17/7/2026 về hướng dẫn triển khai phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền ngành Nội vụ và tiếp tục thực hiện Quyết định số 92/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh (nay thành phố) về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Đồng Nai.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Việc thực hiện xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm. Việc sử dụng, cập nhật phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức

UBND xã Tân Hưng luôn quan tâm công tác kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính. UBND xã đã ban hành quyết định phê duyệt đề án vị trí việc làm cho các phòng ban, trung tâm thuộc UBND xã theo hướng dẫn của Sở Nội vụ (Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 29/5/2026).

4.2. Việc thực hiện các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ kiểm tra:

Thực hiện theo quy định. Hiện tại UBND xã đã tiếp nhận và tham mưu thực hiện quy trình bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo quản lý, ban hành Quyết định phân công kiêm nhiệm chức vụ, các Quyết định tiếp nhận và phân công công tác:

- Văn phòng HĐND và UBND: 01 CVP, 01 PCVP, 8 chuyên viên
- Trung tâm Phục vụ hành chính công 01 Phó giám đốc.
- Phòng Văn hóa – Xã hội: 01 TP, 01 PTP, 06 chuyên viên

- Phòng Kinh tế: 01 TP, 01 PTP, 08 chuyên viên
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp: 01 GD, 01 PGD, 04 viên chức

4.3. Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, đơn vị. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị.

- Sau khi sáp nhập các đơn vị hành chính để thành lập chính quyền địa phương hai cấp, công tác phát triển nguồn nhân lực tại các xã đã được đặc biệt chú trọng. Để đáp ứng yêu cầu của bộ máy hành chính tinh gọn và hiệu quả, UBND xã đã thường xuyên cử cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn do thành phố và trung ương tổ chức. Các chương trình này tập trung vào việc cập nhật kiến thức mới, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng quản lý nhằm đảm bảo sự thống nhất và hiệu quả trong hoạt động. Mục tiêu cuối cùng là xây dựng một đội ngũ cán bộ chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu của bộ máy hành chính mới và phục vụ người dân một cách tốt nhất.

- UBND xã Tân Hưng đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng Nội quy làm việc tại trụ sở thể hiện sự chủ động và quyết liệt của chính quyền địa phương trong việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Các văn bản này đã tạo ra một cơ sở pháp lý vững chắc để chuẩn hóa quy trình, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đồng thời xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, nghiêm túc. Đây cũng là công cụ hữu hiệu để cấp trên kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm, từ đó hướng tới mục tiêu phục vụ người dân một cách tốt nhất và công bằng.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao, phong cách giao tiếp, ứng xử có những tiến bộ tích cực, đặc biệt là đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại bộ phận một cửa, khi giải quyết thủ tục hành chính đã tiếp thu ý kiến của người dân (bằng nhiều hình thức khác nhau như thư góp ý, phiếu khảo sát...). Các cơ quan, đơn vị đã kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, không gây phiền hà, những nhiễu trong khi giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Tận tình giải thích và hướng dẫn về quy trình xử lý công việc, thực hiện “4 xin, 4 luôn”: Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND, ngày 25/3/2026 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026.

4.4. Kết quả quản lý, sử dụng cán bộ, công chức: Hiện tại số lượng cán bộ, công chức được bố trí là 35/50, tỷ lệ 70%.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các ĐVSNC.

+ UBND xã Tân Hưng đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Toàn bộ tài sản công tại xã đều được kiểm kê,

cập nhật sổ sách và theo dõi chặt chẽ, đảm bảo tính minh bạch và công khai. Việc sử dụng tài sản được thực hiện đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao và tránh lãng phí.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, UBND xã đã chỉ đạo thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định và UBND xã tiếp tục thực hiện Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 30/1/2026 về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026 đối với 12/12 đơn vị. Bước đầu, việc này đã mang lại hiệu quả tích cực, giúp các đơn vị chủ động hơn trong việc sử dụng nguồn lực và nâng cao chất lượng dịch vụ. Tuy nhiên, một số đơn vị vẫn gặp khó khăn trong việc cân đối thu chi, đòi hỏi sự chỉ đạo và hỗ trợ liên tục từ UBND xã để tiếp tục phát huy hiệu quả.

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị:

+ Giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương đầu năm 2026 (đợt 2): 47.929.000.000 đồng.

+ Thu ngân sách Nhà nước: Công tác thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn xã được thực hiện hiệu quả, tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch giao. Các biện pháp thu thuế, phí được triển khai đồng bộ, công bằng, đúng quy định, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Trong thời gian qua UBND xã đã chỉ đạo thực hiện công tác chính quyền điện tử, theo dõi ứng dụng công nghệ thông tin như: Chỉ đạo hướng dẫn, triển khai và đôn đốc sử dụng các phần mềm phục vụ trong công việc chuyên môn nghiệp vụ: Hướng dẫn sử dụng phần mềm giải quyết thủ tục hành chính, phần mềm hồ sơ công việc, chữ ký số... cấu hình và phân quyền cho cán bộ, công chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính... Việc ứng dụng công nghệ thông tin tại các phòng chuyên môn đã đạt được những kết quả tốt trong thực hiện nhiệm vụ.

- UBND xã Tân Hưng đã hoàn thiện các văn bản như:

+ Kế hoạch của Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Tân Hưng.

+ Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Về trang bị, sử dụng chữ ký số, chứng thư số: đến nay HĐND, UBND, các phòng chuyên môn đã đăng ký cấp chữ ký số phục vụ việc giải quyết hồ sơ trên điều hành tác nghiệp.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu số (số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, tái sử dụng dữ liệu; lập, lưu trữ hồ sơ điện tử, kho lưu trữ dữ liệu điện tử): Đạt trên 95%.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến:

+ Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã tiếp nhận từ ngày 01/1/2026 đến ngày 01/6/2026 tổng số hồ sơ tiếp nhận 1,919; trong đó 1,919 hồ sơ trực tuyến, 0 hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính.

Kết quả: số lượng hồ sơ đã giải quyết 1,830 hồ sơ, trong đó: hồ sơ trước hạn là 1,791 hồ sơ; 39 hồ sơ trễ hạn; số lượng hồ sơ đang giải quyết trong hạn: 87 hồ sơ, hồ sơ đang xử lý quá hạn 02 hồ sơ.

+ Thanh toán trực tiếp từ 01/1/2026 đến 01/6/2026 thanh toán trực tuyến 408 hồ sơ với số tiền 217,438,475 đồng.

7. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 06/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (nay là Thành ủy) và kế hoạch triển khai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TU.

UBND tỉnh (nay là thành phố) Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 336/KH-UBND ngày 15/10/2024 về việc thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 06/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (nay là Thành ủy) về nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp trong lãnh đạo, điều hành thực hiện hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. UBND xã đã triển khai, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 336/KH-UBND, xác định lấy người dân, doanh nghiệp vừa là trung tâm, vừa là chủ thể, mục tiêu và động lực của CCHC.

Việc nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, đòi hỏi sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; do đó để Chỉ thị 36 và Kế hoạch 336 thực sự có hiệu quả, Đảng ủy, UBND xã cần đẩy mạnh phổ biến đến cán bộ, công chức, nhất là bộ phận trực tiếp liên quan người dân các nội dung trọng tâm của Chỉ thị 36 và Kế hoạch 336; qua đó, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong hành động và hiệu quả thực hiện.

Đồng thời tập trung rà soát, tháo gỡ những điểm nghẽn, vướng liên quan đến CCHC, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ về CCHC, kiên quyết thay thế những cán bộ, công chức, năng lực yếu, không dám làm, dùn dẩy né tránh công việc; đồng thời biểu dương cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì mục tiêu, nhiệm vụ chung.

Bên cạnh đó, MTTQ và các đoàn thể tăng cường tuyên truyền để cán bộ, đảng viên, nhân dân ý thức rõ về tầm quan trọng của các chỉ số CCHC cùng những chỉ số liên quan; qua đó, nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Các cơ quan, đơn vị đã phân công 01 công chức phụ trách công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã đã được triển khai toàn diện trên các nội dung về cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công.

Hệ thống thủ tục hành chính được công khai tới mọi người dân, được thống kê cụ thể từng lĩnh vực, quy định từng loại thủ tục thuận lợi cho người dân khi chuẩn bị hồ sơ, tài liệu liên quan; CB,CC trực tiếp giải quyết công việc căn cứ vào quy định của loại thủ tục mà nhận hồ sơ và giải quyết hồ sơ theo thời gian quy định.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước được triển khai đồng bộ, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị được củng cố và kiện toàn, hoạt động có hiệu quả. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu công vụ.

2. Hạn chế, yếu kém

- Kho lưu trữ của UBND xã chưa được bố trí theo đúng yêu cầu về diện tích và điều kiện bảo quản.

- Hệ thống công nghệ thông tin: Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC và Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoạt động chưa ổn định.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 – 2030; trong đó chú trọng triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như mở các lớp tập huấn, các hội nghị trực tuyến; trên trang thông tin điện tử, trên hệ thống truyền thanh; trên các nền tảng mạng xã hội. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn về kiến thức chuyển đổi số cho Cán bộ, công chức, viên chức và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp, nhận thức và kỹ năng về chuyển đổi số của người dân, làm tiền đề cho phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Phối hợp với cấp trên và bên cung ứng phần mềm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc các phần mềm dùng chung của thành phố.

- Kiểm soát chặt chẽ việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, đảm bảo công khai, minh bạch. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc; phát huy vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành; tăng cường sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm PVHCC.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bưu chính công ích, thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có thu phí/lệ phí, nâng cao số lượng hồ sơ nộp trực tuyến và trả kết quả qua bưu chính, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến. Thực hiện tốt việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công tác truyền thông thủ tục hành chính. Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức về quy định TTHC, giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND xã.

- Tiếp tục tham mưu thực hiện tốt công tác xây dựng Chính quyền điện tử, theo việc ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức phụ trách công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng Dịch vụ công quốc gia đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, sớm khắc phục các tồn tại, vướng mắc trong quá trình sử dụng do các đơn vị, địa phương đã kiến nghị.

Trên đây là báo cáo của UBND xã Tân Hưng về cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (Phòng CCHC);
- CT, PCT.UBND xã;
- Phòng VHXXH;
- LĐVP; CV(Việt);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Viết Truyền

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	12	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	53	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	17	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	9	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	= b/a*100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	=a+b	
1.1.	Số VBQPPL do cấp thành phố ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp thành phố	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp thành phố	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	= b/a*100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	434	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp thành phố (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	434	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	93,33	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	1,830	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	1,791	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	03	
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	03	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	100%	4	
1.2.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	12	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	50	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo		35	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính		5	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	425	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	425	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	4	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	10	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	2	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	2	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	12,6%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	47.929	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.364,253	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	12	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	0	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	12	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%		
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp thành phố đến cấp xã		100	
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND thành phố	%		
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND thành phố	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp thành phố	%		
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	434	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	434	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
4.2.1.	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	25	
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	25	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100	
4.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	1,919	
4.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	1,919	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	36,72	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ		
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ		
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến	%	100	
4.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	1,919	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1,919	